

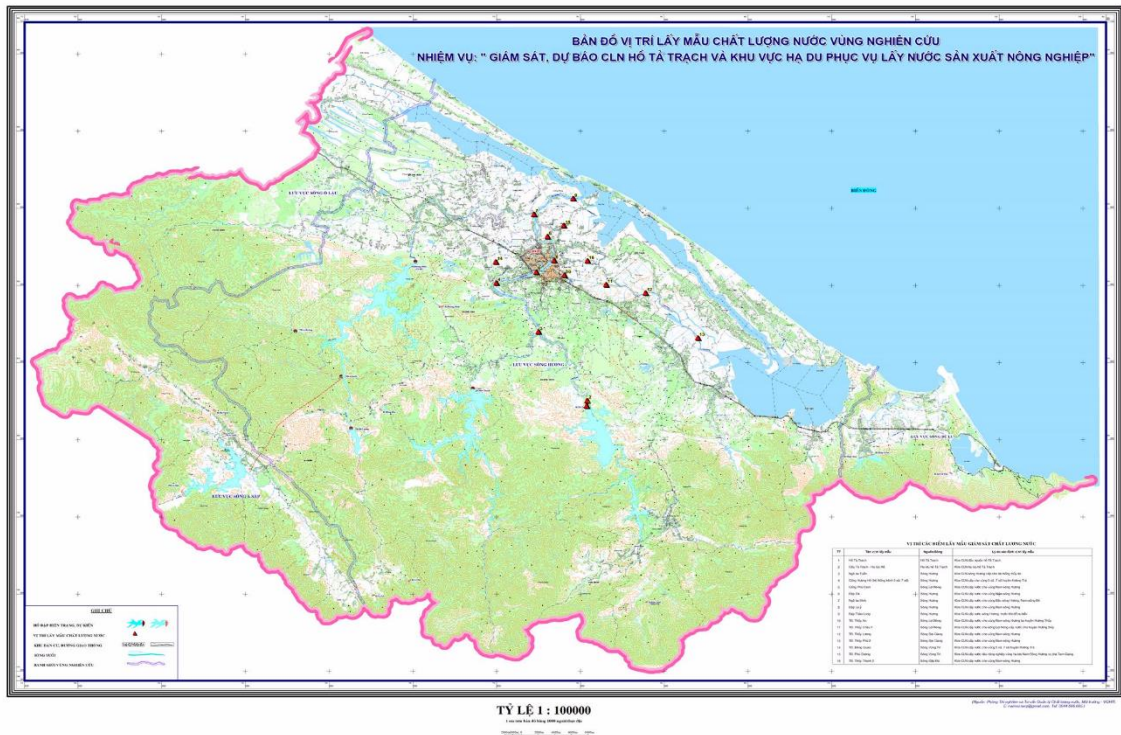
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

Nhiệm vụ “*Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023*”

BẢN TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 5

NGÀY LẤY MẪU: 10-11 VÀ 25-26 THÁNG 5 NĂM 2023

NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH: 01 THÁNG 6 NĂM 2023



Hệ thống thủy lợi Tả Trạch

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 6 năm 2023

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

Nhiệm vụ “*Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023*”

BẢN TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 5

NGÀY LẤY MẪU: 10-11 VÀ 25-26 THÁNG 5 NĂM 2023

NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH: 01 THÁNG 6 NĂM 2023

**CƠ QUAN THỰC HIỆN
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI
MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN
VIỆN TRƯỞNG**

Hoàng Ngọc Tuấn

Thông tin chung:

Nhiệm vụ Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023 được Cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên thực hiện. Năm 2023, có 11 đợt lấy mẫu quan trắc chất lượng nước trong hệ thống với 15 điểm quan trắc và 13 chỉ tiêu phân tích. Trong mỗi đợt lấy mẫu có 01 bản tin kết quả quan trắc chất lượng nước. Các bản tin được đưa lên websites tại địa chỉ www.cviwr.vn và được gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả phân tích chất lượng nước tháng 5 lấy mẫu ngày 10-11/05/2023 và ngày 25-26/05/2023, nội dung gồm: kết quả phân tích các chỉ tiêu; kết quả tính chỉ số WQI và những khuyến cáo về chất lượng nước khi sử dụng phục vụ SXNN.

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 6 năm 2023

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 5

1. Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

2. Ngày quan trắc: 10-11 và 25-26/5/2023

3. Ngày cung cấp thông tin: 01/6/2023

Mô tả thời tiết lúc lấy mẫu: Trời nắng

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên

Người cung cấp thông tin: Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

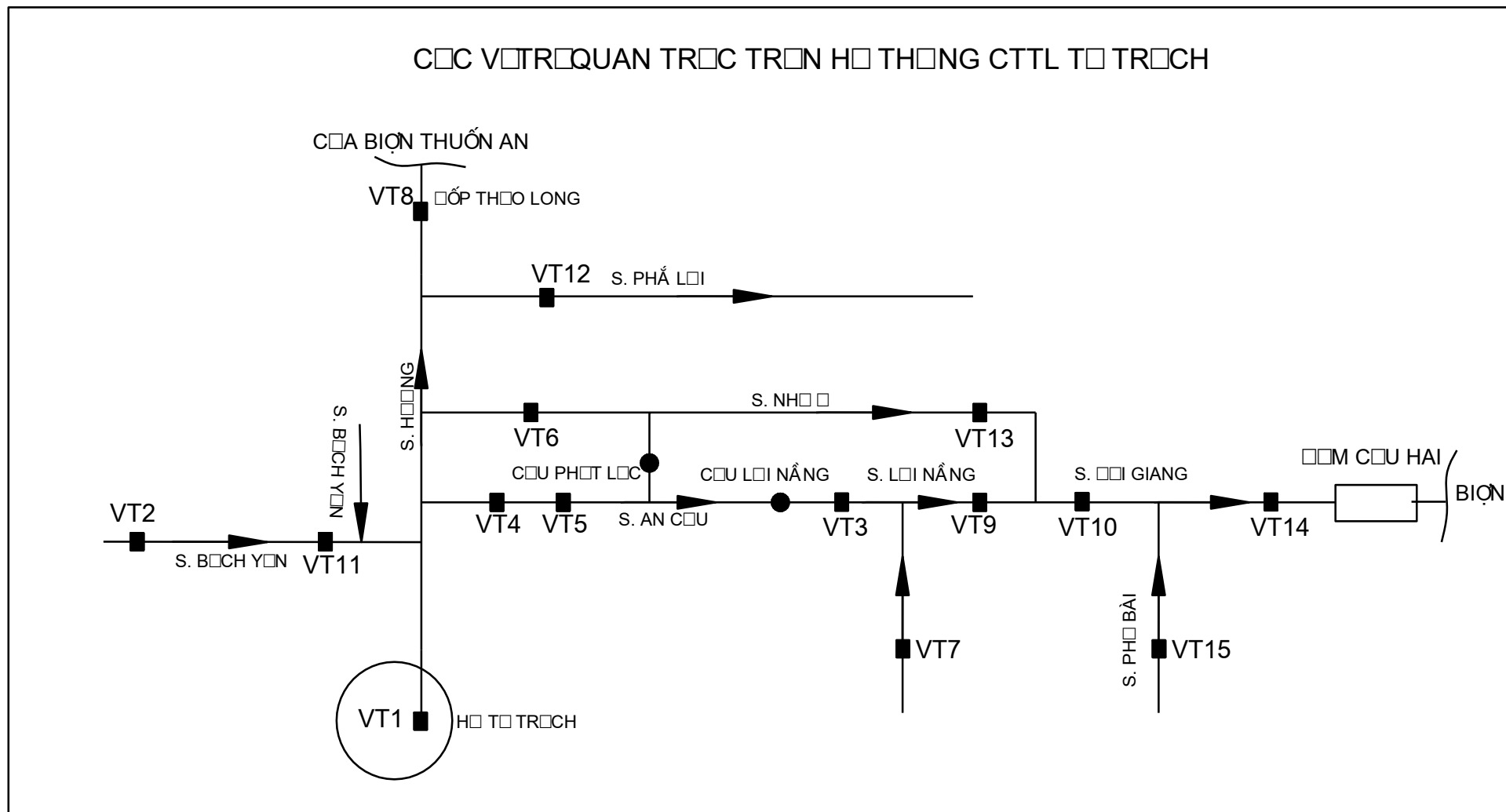
7. Vị trí lấy mẫu:

Bảng 1. Vị trí các điểm lấy mẫu giám sát chất lượng nước

| STT | Tên vị trí | Tọa độ | | Nguồn/sông | Mục đích lấy mẫu |
|------|---|---------------|---------------|----------------|---|
| | | Vĩ độ N | Kinh độ E | | |
| VT1 | Hồ Tả Trạch | 16°18'53.2"N | 107°38'12.5"E | Hồ Tả Trạch | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh |
| VT2 | Trạm bơm La Chũ | 16°29'20.6"N | 107°30'59.9"E | Sông Hương | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh |
| VT3 | Phía sau nhà máy dệt Thủy Dương (sông An Cựu) | 16°26'57.3"N | 107°37'16.2"E | Sông An Cựu | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh |
| VT4 | Chợ An Cựu (sông An Cựu) | 16°27'25.1"N | 107°36'05.8"E | Sông An Cựu | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh |
| VT5 | Cổng Phú Cam sông An Cựu | 16°27'21.5"N | 107°35'38.2"E | Sông An Cựu | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh |
| VT6 | Đập Đá sông Hương | 16°28'24.0"N | 107°35'42.5"E | Sông Hương | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh |
| VT7 | Cầu Vực | 16°25'33.66"N | 107°39'14.0"E | Sông Lợi Nông | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh |
| VT8 | Đập Thảo Long | 16°32'55.0"N | 107°37'01.3"E | Sông Hương | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh + Kiểm soát độ mặn |
| VT9 | Trạm bơm Thủy Châu 1 sông Lợi Nông | 16°26'40.6"N | 107°39'09.3"E | Sông Lợi Nông | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh |
| VT10 | Trạm bơm Thủy Phù 2 sông Đại Giang | 16°23'11.3"N | 107°44'58.0"E | Sông Đại Giang | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh |
| VT11 | Trạm bơm Cổ Bưu kênh 5 xã, 7 xã sông Hương | 16°28'28.5"N | 107°31'53.6"E | Sông Hương | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh |

| STT | Tên vị trí | Tọa độ | | Nguồn/sông | Mục đích lấy mẫu |
|------|----------------------------------|---------------|----------------|----------------|--|
| | | Vĩ độ N | Kinh độ E | | |
| VT12 | Trạm bơm Phú Dương sông Phở Lợi | 16°30'46.5"N | 107°36'32.8"E | Sông Phở Lợi | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh |
| VT13 | Trạm bơm Thủy Thanh 2 sông Như Ý | 16°27'48.6"N | 107°38'53.6"E | Sông Như Ý | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh |
| VT14 | Cống Quan sông Đại Giang | 16°21'35.1"N | 107°46'32.5"E | Sông Đại Giang | Kiểm soát độ mặn |
| VT15 | Phía sau KCN Phú Bài | 16°22'47.96"N | 107°41'37.94"E | Sông Phú Bài | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh |

8. Bản đồ vị trí các trạm quan trắc



Hình 1. Sơ đồ đường thẳng các vị trí quan trắc mẫu

9. Một số hình ảnh thông tin lúc lấy mẫu ngày 10-11/5/2023 và 25-26/5/2023:



Hình 1. KCN Phú Bài



Hình 2. Đo mặn ở Cống Quan



Hình 3. TB. Thủy Thanh



Hình 4. TB. Thủy Phù



Hình 5. Phía sau NMD Thủy Dương



Hình 6. Cầu Vực



Hình 7. Đo mặn ở đập Thảo Long



Hình 8. Chợ An Cựu



Hình 9. TB. Phú Dương

II. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC WQI

Bảng 2. Kết quả đánh giá chất lượng nước theo chỉ số WQI tháng 5

| TT | VT lấy mẫu | | Ngày lấy mẫu | WQI | Đánh giá | Màu thể hiện | | Xếp loại |
|----|------------|------------------------|--------------|-----|--|----------------|--|----------|
| 1 | VT1 | Hồ Tả Trạch | 11/5 | 96 | Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh nước biển | | A |
| | | | 25/5 | 95 | | | | |
| 2 | VT2 | Trạm bơm La Chũ | 11/5 | 92 | Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh nước biển | | A |
| | | | 25/5 | 93 | | | | |
| 3 | VT3 | Nhà máy dệt Thủy Dương | 11/5 | 80 | Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh lá cây | | B |
| | | | 25/5 | 80 | | | | |
| 4 | VT4 | Chợ An Cựu | 11/5 | 78 | Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh lá cây | | B |
| | | | 25/5 | 79 | | | | |
| 5 | VT5 | Cổng Phú Cam | 11/5 | 77 | Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh lá cây | | B |
| | | | 25/5 | 81 | | | | |
| 6 | VT6 | Đập Đá | 11/5 | 92 | Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh nước biển | | A |
| | | | 25/5 | 94 | | | | |
| 7 | VT7 | Cầu Vực | 11/5 | 85 | Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh lá cây | | B |
| | | | 25/5 | 78 | | | | |
| 8 | VT8 | Đập Thảo Long | 11/5 | 97 | Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh nước biển | | A |
| | | | 25/5 | 93 | | | | |
| 9 | VT9 | Trạm bơm Thủy Châu 1 | 11/5 | 87 | Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh lá cây | | B |
| | | | 25/5 | 91 | | | | |
| 10 | VT10 | Trạm bơm Thủy Phù 2 | 11/5 | 88 | Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh lá cây | | B |
| | | | 25/5 | 89 | | | | |
| 11 | VT11 | Trạm bơm Cổ Bưu | 11/5 | 89 | Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh lá cây | | B |
| | | | 25/5 | 89 | | | | |

| TT | VT lấy mẫu | | Ngày lấy mẫu | WQI | Đánh giá | Màu thể hiện | | Xếp loại |
|----|------------|---------------------|--------------|-----|--|----------------|--|----------|
| 12 | VT12 | Trạm bơm Phú Dương | 11/5 | 92 | Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh nước biển | | A |
| | | | 25/5 | 93 | | | | |
| 13 | VT13 | Trạm bơm Thủy Thanh | 11/5 | 90 | Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh lá cây | | B |
| | | | 25/5 | 82 | | | | |
| 14 | VT15 | KCN Phú Bài | 11/5 | 67 | Chất lượng nước trung bình, có thể sử dụng cấp nước cho SXNN | Vàng | | C |
| | | | 25/5 | 81 | | | | |

Ghi chú: Đánh giá theo hướng dẫn kỹ thuật tính toán và công bố chỉ số chất lượng nước Việt Nam (VN_WQI) ban hành theo Quyết định 1460/QĐ-TCMT, ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường. Trong đó:

A- WQI từ 91-100: Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt

B- WQI từ 76-90: Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp;

C- WQI từ 51-75: Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác;

D- WQI từ 26-50: Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác;

E- WQI từ 10-25: Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai;

G- WQI <10: Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý.

III. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO CHỈ TIÊU HÓA LÝ VÀ VI SINH THÁNG 5

3.1. Các chỉ tiêu hóa lý và vi sinh

Bảng 3. Kết quả đánh giá chất lượng nước theo từng vị trí quan trắc

| TT | Vị trí mẫu | | Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1 | Khuyến cáo |
|----|------------|-------------------------------|---|--|
| 1 | VT1 | Hồ Tả Trạch | - Ngày 11/5 và 25/5/2023: Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép | - Chất lượng nước tốt, đảm bảo cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. |
| 2 | VT2 | Trạm bơm La Chũ | - Ngày 11/5 và 25/5/2023: Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép | - Chất lượng nước tốt, đảm bảo cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. |
| 3 | VT3 | Nhà máy dewatering Thủy Dương | - Ngày 11/5/2023: chỉ duy nhất 01 chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép là BOD ₅ - Ngày 25/5/2023: Có 03 chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép là BOD ₅ , COD, PO ₄ ³⁻ | - Có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên trong quá trình cấp nước cần có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước. |

| TT | Vị trí mẫu | | Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1 | Khuyến cáo |
|----|------------|----------------------|---|--|
| 4 | VT4 | Chợ An Cựu | - Ngày 11/5/2023: Có 03 chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép là BOD ₅ , NH ₄ ⁺ , PO ₄ ³⁻ - Ngày 25/5/2023: Có 02 chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép là BOD ₅ , PO ₄ ³⁻ | - Chất lượng nước trung bình, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên trong quá trình cấp nước cần có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước. |
| 5 | VT5 | Cổng Phú Cam | - Ngày 11/5/2023: Có 02 chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép là BOD ₅ , PO ₄ ³⁻ - Ngày 25/5/2023: chỉ 01 chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép là PO ₄ ³⁻ | - Chất lượng nước trung bình, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên trong quá trình cấp nước cần có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước. |
| 6 | VT6 | Đập Đá | Ngày 11/5 và 25/5/2023: Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép | - Chất lượng nước tốt, đảm bảo cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. |
| 7 | VT7 | Cầu Vực | - Ngày 11/5/2023: Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép - Ngày 25/5/2023: Có 02 chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép là NH ₄ , PO ₄ ³⁻ | - Chất lượng nước trung bình, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên trong quá trình cấp nước cần có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước. |
| 8 | VT8 | Đập Thảo Long | - Ngày 11/5 và 25/5/2023: Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép | - Chất lượng nước tốt, đảm bảo cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. |
| 9 | VT9 | Trạm bơm Thủy Châu 1 | - Ngày 11/5 và 25/5/2023 Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép. | - Chất lượng nước tốt, đảm bảo cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. |
| 10 | VT10 | Trạm bơm Thủy Phù 2 | - Ngày 11/5 và 25/5/2023: Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép. | - Chất lượng nước tốt, đảm bảo cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. |
| 11 | VT11 | Trạm bơm Cổ Bưu | - Ngày 11/5 và 25/5/2023: Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép. | - Chất lượng nước tốt, đảm bảo cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. |
| 12 | VT12 | Trạm bơm Phú Dương | - Ngày 11/5 và 25/5/2023: Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép | - Chất lượng nước tốt, đảm bảo cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. |
| 13 | VT13 | Trạm bơm Thủy Thanh | - Ngày 11/5 và 25/5/2023 Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép | - Chất lượng nước tốt, đảm bảo cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. |

| TT | Vị trí mẫu | | Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1 | Khuyến cáo |
|----|------------|-------------------------|--|---|
| 14 | VT15 | Khu công nghiệp Phú Bài | - Ngày 11/5/2023: Có 04 chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép là COD, NH ₄ ⁺ , PO ₄ ³⁻ , NO ₂ ⁻ - Ngày 25/5/2023: Có 02 chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép là BOD ₅ , PO ₄ ³⁻ | - Chất lượng nước trung bình, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên trong quá trình cấp nước cần có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước |

Ghi chú: QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

3.2. Chỉ tiêu độ mặn

- Nhiệm vụ giám sát độ mặn tại 2 vị trí là đập Thảo Long (VT8) và Công Quan (VT14), kết quả ngày 11/5/2023 và 25/5/2023 cho thấy độ mặn ở phía thượng lưu đập là 0‰ nên các trạm bơm/công lấy nước ở phía thượng lưu có thể lấy nước để tưới lúa.

IV. DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 6

4.1. Thông tin chung

Theo thông tin từ Đài KTTV khu vực Trung Trung Bộ, nền nhiệt Thừa Thiên Huế trong tháng 6 sẽ ở ngưỡng từ nắng nóng. Nhiệt độ giao động từ 25°C cho đến 38°C.

Lúa tại các khu vực cơ bản đã thu hoạch xong vụ Đông Xuân, chuẩn bị cho vụ mới Hè Thu.

Mực nước tại các hồ An Trạch, Hương Điền, Bình Điền vận hành theo quy trình vận hành của hệ thống sông Hương ban hành theo Quyết định số 1606/QĐ-TTg, ngày 13/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể mực nước tại các hồ theo các giai đoạn như sau:

Bảng 4. Mực nước vận hành các hồ thủy điện trên lưu vực

| Khoảng thời gian (ngày/tháng) | | Khoảng mực nước (m) | | | | | |
|-------------------------------|-------|---------------------|------|-----------|------|------------|------|
| | | Tả Trạch | | Bình Điền | | Hương Điền | |
| Từ | Đến | Từ | Đến | Từ | Đến | Từ | Đến |
| 01/06 | 10/06 | 31,7 | 33,4 | 66,8 | 68,9 | 49,1 | 50,4 |
| 11/06 | 20/06 | 30,7 | 32,4 | 65,8 | 67,9 | 49,1 | 50,4 |
| 21/06 | 30/06 | 30,4 | 32,1 | 65,2 | 67,3 | 48,9 | 50,3 |

4.2. Dự báo chất lượng nước

a. Cơ sở xây dựng phương án dự báo

Để dự báo tình hình chất lượng nước căn cứ theo các cơ sở sau:

- Kết quả thực địa lấy mẫu và phân tích các mẫu chất lượng nước tại các vị trí.
- Bộ mô hình thủy văn, thủy lực đã được hiệu chỉnh, kiểm định và đã được cập nhật mới nhất cho lưu vực sông Hương.
- Số liệu khí tượng, thủy văn dự báo.
- Số liệu lưu lượng xả của các hồ thủy điện làm biên đầu vào của mô hình: căn cứ theo QTVH liên hồ chứa trên lưu vực sông Hương ban hành theo Quyết định số 1606/QĐ-TTg, ngày

13/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ và số liệu vận hành thực tế của các nhà máy thủy điện được công bố trên trang web của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thừa Thiên Huế.

b. Cơ sở dữ liệu phục vụ tính toán

- Mạng lưới sông Hương đưa vào tính toán như Hình 1.
- Mực nước vận hành các hồ thủy điện Bảng 4.

c. Kết quả dự báo chất lượng nước

Kết quả dự báo chất lượng nước theo các chỉ tiêu DO, BOD₅ và NH₄⁺-N như sau:

- Chỉ số oxy hòa tan (DO): tất cả các vị trí đều nằm trong ngưỡng cho phép ($\geq 4\text{mg/l}$).
- Chỉ số nhu cầu oxy sinh học (BOD₅): tất cả các vị trí đều dưới ngưỡng cho phép ($<15\text{mg/l}$) theo QCVN08-MT:2015/BTNMT.
- Chỉ số amoni (NH₄⁺): tất cả các vị trí đều dưới ngưỡng cho phép ($< 0,9\text{mg/l}$).

Nhận xét:

Như vậy, về cơ bản trong tháng 6 tới chất lượng nước trên hệ thống sẽ tương đối tốt. Tuy nhiên, giai đoạn này lúa cơ bản đã thu hoạch xong, chỉ có một số nơi mở cống để lấy cho thủy sản. Vì vậy, các đơn vị vận hành trên khu vực cần lưu ý quan sát kỹ các dấu hiệu bất thường trước khi mở nước.

V. KẾT LUẬN

- Lúa trong khu vực hiện đã thu hoạch xong.
- Theo số liệu quan trắc chất lượng nước vào 11/5/20123 và 25/5/2023 nhận thấy: chất lượng nước tháng 5 tại hầu hết các vị trí quan trắc đều tốt và đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN, riêng các vị trí Nhà máy dệt Thủy Dương (VT3), chợ An Cựu (VT4), Cống Phú Cam (VT5) Cầu Vực (VT7), Khu công nghiệp Phú Bài (VT15) kết quả phân tích chất lượng nước đã có những cải thiện rõ rệt, các chỉ tiêu ô nhiễm tại các vị trí trên đã suy giảm so với kết quả phân tích mẫu chất lượng nước tháng 3 và tháng 4. Mặc dù vậy đơn vị vẫn khuyến cáo các cơ quan quản lý vận hành các trạm bơm trên địa bàn cần phải giám sát chặt chẽ nguồn nước trước lúc vận hành để tránh tình trạng nguồn nước bị ô nhiễm gây ảnh hưởng đến nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn.

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 6 năm 2023

VIỆN TRƯỞNG

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Tuấn